

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số 306/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024, giữa:

*Nguyên đơn: Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: có 02 con chung tên:

+ Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 08/9/2005 (đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết).

+ Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 18/02/2008.

Khi ly hôn, chị T và anh H cùng thống nhất giao con chung Nguyễn Ngọc

Bảo T, sinh ngày 18/02/2008 cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Do chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị T, anh H thống nhất không yêu cầu giải quyết.

*Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị T tự nguyện chịu hết, chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009944 ngày 07/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T được căn trừ nên hoàn lại cho chị T số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

****Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- CC. THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã B, huyện G, tỉnh T.
- Lưu.

Đặng Thị Thanh Trinh